

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Sang;
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2018/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXX-ST ngày 11 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn A, sinh năm 1987; địa chỉ: Số nhà 294, tổ 8, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn H, sinh năm 1983; địa chỉ: Số nhà 86, khu phố 6, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn A trình bày:

Chị và anh Nguyễn H kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường

H, thị xã C, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, quyền số 03 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương) cấp ngày 15/9/2008.

Thời gian đầu chị và anh H chung sống với nhau hạnh phúc, từ khoảng tháng 03, tháng 4 năm 2017 chị và anh H xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 11/2017 thì chị và anh H ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống chung với nhau không có con chung dẫn đến thường xuyên cự cãi, anh H thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc, đe dọa đánh chị. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn H; về con chung không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai, các Biên bản lấy lời khai, Biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về tình trạng hôn nhân, anh xác nhận thời gian đầu anh và chị A chung sống với nhau hạnh phúc, từ khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, đến ngày 17/11/2017 thì anh và chị A ly thân cho đến nay. Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, anh thừa nhận anh và chị A có xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng sống chung với nhau không có con chung, anh có đe dọa đánh chị A 01 lần và giữa anh và chị A có xảy ra cự cãi tại phường Đ, thị xã C vào ngày 10/02/2018; còn việc chị A cho rằng anh ghen tuông, thường uống rượu, đập phá đồ đạc là không có căn cứ. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A; về con chung, do không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Anh Nguyễn H trình bày: Anh giữ nguyên lời trình bày về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị A không có mâu thuẫn gì. Nay anh không đồng ý ly hôn với chị A.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn A đối với anh Nguyễn H.

Về con chung: Chị Nguyễn A, anh Nguyễn H không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn A, anh Nguyễn H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Nguyễn A vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị A.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A và anh Nguyễn H chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 67, quyển số 03 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Bình Dương (nay là Ủy ban nhân dân phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương) cấp ngày 15/9/2008, quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh H do chị H và anh H không có con chung nên thường xuyên xảy ra cự cãi, anh H thường xuyên uống rượu, đập phá đồ đạc, đe dọa đánh chị A. Anh H không đồng ý ly hôn với chị A do anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị A.

Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của chị A là có căn cứ, bởi lẽ, căn cứ vào các Biên bản xác minh ngày 19/3/2018 (bút lục 43), ngày 20/3/2018 (bút lục 48) tại khu phố 6, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương đều thể hiện giữa chị A và anh H có xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, hiện chị A và anh H đã ly thân; Biên bản xác minh ngày 20/3/2018 (bút lục 40) tại Công an phường Đ, thị xã C, tỉnh Bình Dương thể hiện, ngày 10/02/2018 giữa chị A và anh H xảy ra cự cãi gây mất trật tự tại địa phương, Công an đã triệu tập chị A, anh H về trụ sở Công an để ghi nhận sự việc. Ngoài ra, lời khai của anh H tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/03/2018 (bút lục 27), Biên bản hòa giải ngày 28/3/2018 (bút lục 57) đều thừa nhận giữa chị A và anh H có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh chị chung sống với nhau không có con chung.

Đối với các tài liệu, chứng cứ là 04 tấm hình chụp chiếc xe mô tô biển số 61 – T24398 do anh H cung cấp (từ bút lục 32 đến 35), anh H cho rằng chiếc xe mô tô biển số 61 – T24398 để trong nhà trọ của chị Ánh là xe của anh Hải (không rõ họ tên, địa chỉ) – là người chị A có quan hệ tình cảm trong thời gian anh và chị A sống ly thân. Trong quá trình tố tụng, chị A thừa nhận có quen biết anh N, nhưng mối quan hệ giữa chị A và anh N chỉ là bạn bè; xét thấy, anh H cho rằng giữa chị A với anh N có mối quan hệ tình cảm, nhưng tại Bản tường trình về chứng cứ giao nộp đề ngày 5/3/2018 anh Hòa cũng thừa nhận việc anh cho rằng chị A và anh N có quan hệ tình cảm là do anh tự suy đoán.

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị A và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh H.

Về con chung: Chị Nguyễn A, anh Nguyễn H không có con chung, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn A, anh Nguyễn H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Xét lời trình bày của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, nội dung vụ hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A, là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn A được ly hôn với anh Nguyễn H.
2. Về con chung: Chị Nguyễn A, anh Nguyễn H không có con chung nên không yêu cầu Tòa án án giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn A, anh Nguyễn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về án phí: Chị Nguyễn A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2016/0017404 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương; chị A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn H có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn A có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- UBND phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương;
- Lưu: HSVA;VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Cẩm Hằng